

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

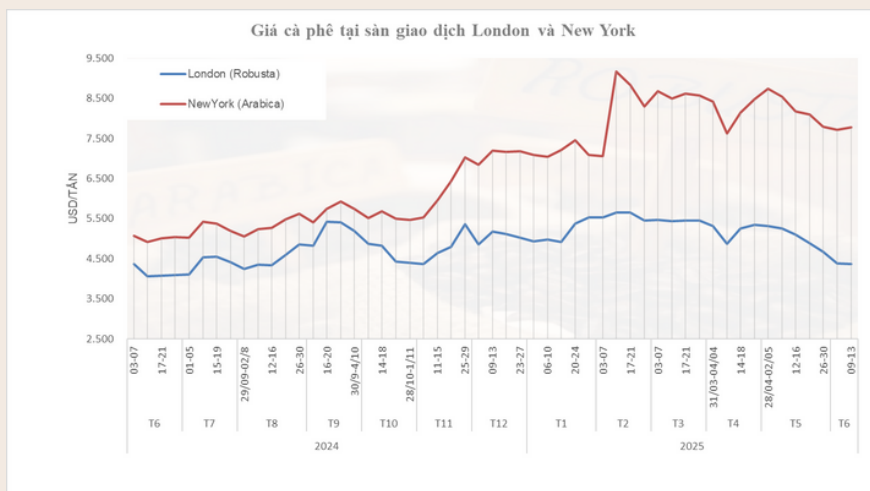
www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Trong tuần giá cà phê trên hai sàn giao dịch London và sàn giao dịch New York tiếp tục có xu hướng giảm do nguồn cung cà phê thế giới tăng khi Brazil đang vào vụ thu hoạch.
- USDA dự báo sản lượng cà phê Peru niên vụ 2025/26 đạt 4,2 triệu bao (60 kg), tăng 8 % so với vụ trước nhờ giá quốc tế cao.
- Báo cáo từ hợp tác xã cà phê lớn nhất Brazil – Cooxupé – cho biết đến ngày 10/6/2025, nông dân đã thu hoạch được khoảng 13,70% sản lượng cà phê Arabica niên vụ mới.



THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI GIẢM

Trong tuần 09/06/2025 đến 13/06/2025, giá cà phê thế giới giảm so với tuần trước trên hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 7/2025 tại thị trường London đạt 4.359 USD/tấn, giảm 0,5% so với tuần trước và tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.474 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.299 USD/tấn. [1] Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2025 bình quân đạt 7.781 USD/tấn, tăng 0,9% so với mức giá tuần trước, và tăng 58,1% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.971 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.668 USD/tấn.[1]

Nguyên nhân chính của việc giảm giá chủ yếu do nguồn cung cà phê thế giới được bổ sung khi Brazil - quốc gia sản xuất cà phê lớn nhất thế giới đang và vụ thu hoạch. Ngoài ra, giá cà phê giảm trong những tuần gần đây do người mua tin rằng sản lượng cà phê đang hồi phục và nguồn cung đã trở nên dồi dào khi các dự báo của USDA công bố về sản lượng cà phê của các nước sản xuất chính đều có xu hướng tăng trong niên vụ 2025/2026. [2]

BRAZIL

Các nông hộ trồng cà phê Arabica tại vùng Cerrado Mineiro (Brazil) – khu vực vốn chuyên canh Arabica – đang tiến hành thử nghiệm giống cà phê Conilon (thuộc chủng Canephora/Robusta) nhằm ứng phó tác động của biến đổi khí hậu, theo ông Rodolfo Climaco, Giám đốc phụ trách nông nghiệp cà phê của Tập đoàn Nestlé. [3]

Arabica yêu cầu nhiệt độ mát hơn và được đánh giá nhạy cảm hơn với biến động khí hậu so với Conilon, vốn chịu hạn tốt và bền vững hơn.

Nếu quá trình chuyển đổi diễn ra, đây sẽ là thay đổi mang tính bước ngoặt, vì 100 % diện tích cà phê tại Cerrado Mineiro hiện là Arabica (số liệu cơ quan nông vụ Brazil). [3]

Xu hướng này nối tiếp diễn biến giá Robusta đạt kỷ lục năm 2024, thúc đẩy mở rộng diện tích Robusta lên các vùng cao nguyên trước đây dành cho Arabica. Ngoài yếu tố lợi nhuận, Climaco nhấn mạnh biến đổi khí hậu sẽ là biến số then chốt khiến nông dân cân nhắc chuyển sang Conilon do khả năng chống chịu khí hậu cao hơn. [3]

PERU

USDA dự báo sản lượng cà phê Peru niên vụ 2025/26 đạt 4,2 triệu bao (60 kg), tăng 8 % so với vụ trước nhờ giá quốc tế cao. Xuất khẩu được ước tính cũng ở mức 4,2 triệu bao; Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường lớn nhất, chiếm 27 %, theo sau là Đức và Bỉ. Giá xuất khẩu trung bình trong vụ 2024/25 tăng 28 % lên 229 USD/bao và Peru vẫn giữ vị trí số 1 thế giới về xuất khẩu cà phê hữu cơ với 90 000 ha đạt chứng nhận. Diện tích thu hoạch ổn định 335 000 ha; năng suất bình quân 721 kg/ha, song các trang trại quản lý tốt có thể đạt 2 700 kg/ha. Hơn 90 % sản lượng do hộ nhỏ dưới 5 ha sản xuất, gặp khó về tín dụng; chi phí sản xuất chủ yếu là lao động (58 %) và phân bón (24 %). Tiêu thụ nội địa ở mức 300 000 bao (6 % sản lượng), bình quân đầu người 950 g/năm, phần lớn là cà phê hòa tan. Chính phủ Peru cùng các đối tác (MOCCA, PromPeru, DEVIDA) đang hỗ trợ đào tạo, tiếp cận tín dụng, thúc đẩy xuất khẩu và chuẩn bị tuân thủ Quy định Chống Phá rừng của EU; kế hoạch quốc gia đến 2030 đặt mục tiêu nâng cao giá trị chuỗi cà phê và phát triển bền vững ngành. [4]

BRAZIL

Theo báo cáo từ Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Brazil (Cecafé), tổng lượng cà phê nhân xuất khẩu trong 11 tháng đầu của niên vụ cà phê 2024–2025 (từ tháng 7/2024 đến tháng 5/2025) đạt 39,04 triệu bao (loại 60 kg/bao), giảm 3,34% so với cùng kỳ niên vụ trước. Đây là mức giảm nhẹ, cho thấy xu hướng điều chỉnh trong hoạt động xuất khẩu cà phê của Brazil. [5]

Cụ thể, lượng cà phê Arabica xuất khẩu đạt 32,95 triệu bao, tăng nhẹ 0,70% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sự ổn định trong nhu cầu toàn cầu đối với dòng cà phê chất lượng cao này. Trong khi đó, xuất khẩu cà phê Conilon Robusta lại giảm đáng kể 14,20%, chỉ còn 6,10 triệu bao, do sản lượng xuất khẩu tăng đột biến ở đầu niên vụ không được duy trì trong những tháng tiếp theo. Ngược lại, xuất khẩu cà phê chế biến và cà phê hòa tan đạt mức tăng trưởng ấn tượng 13,70%, với tổng lượng 3,90 triệu bao, cho thấy sự mở rộng của thị trường sản phẩm giá trị gia tăng. [5]

Trong tháng 5/2025, xuất khẩu cà phê của Brazil giảm mạnh 36,02% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt tổng cộng 2,60 triệu bao.

Trong đó, cà phê Arabica chiếm 2,40 triệu bao (giảm 24,52%), còn cà phê Conilon robusta chỉ đạt 202.686 bao (giảm sâu 76,96%). Đây là tháng ghi nhận mức sụt giảm mạnh nhất trong năm, phản ánh tác động của nguồn cung và diễn biến thị trường.[5]

Báo cáo từ hợp tác xã cà phê lớn nhất Brazil – Cooxupé – cho biết đến ngày 10/6/2025, nông dân đã thu hoạch được khoảng 13,70% sản lượng cà phê Arabica niên vụ mới. Tỷ lệ này gần như tương đương với cùng kỳ năm trước (13,60%), cho thấy mùa vụ đang diễn ra ổn định và đúng tiến độ, đặc biệt với dòng cà phê chế biến theo phương pháp tự nhiên (natural processed).[5]

COLOMBIA

Liên đoàn những người trồng cà phê quốc gia Colombia (FNC) đã cập nhật dự báo sản lượng cà phê cho niên vụ 2025/2026 (từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026) lên mức 15 triệu bao, đánh dấu mức cao nhất kể từ niên vụ 2016/2017. Đây là tín hiệu tích cực cho quốc gia sản xuất cà phê Arabica chế biến ướt chất lượng cao này, sau nhiều năm sản lượng sụt giảm do

ảnh hưởng của các yếu tố thời tiết bất lợi. Dự báo mới của FNC cũng tương đồng với các ước tính từ khu vực tư nhân.[6]

Trong niên vụ hiện tại 2024/2025, FNC cho biết sản lượng cà phê toàn quốc dự kiến đạt khoảng 13 triệu bao, với xuất khẩu ước đạt 11,2 triệu bao, tăng 9,96% so với cùng kỳ năm trước. Với kỳ vọng sản lượng tăng lên trong niên vụ tiếp theo, xuất khẩu năm 2025/2026 có thể đạt 13 triệu bao, góp phần củng cố vị thế của Colombia trên thị trường quốc tế. Tiêu thụ nội địa hiện được Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) ước tính ở mức 3,08 kg/người/năm, tương đối thấp so với một quốc gia sản xuất cà phê, cho phép phần lớn sản lượng được xuất khẩu.[6]

Trong tháng 5/2025, sản lượng cà phê của Colombia đạt 819.000 bao, giảm 26,88% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tính từ đầu niên vụ (tháng 10/2024) đến hết tháng 5/2025, sản lượng tích lũy đạt 10,2 triệu bao, tăng 22,80% so với cùng kỳ niên vụ trước.[6]

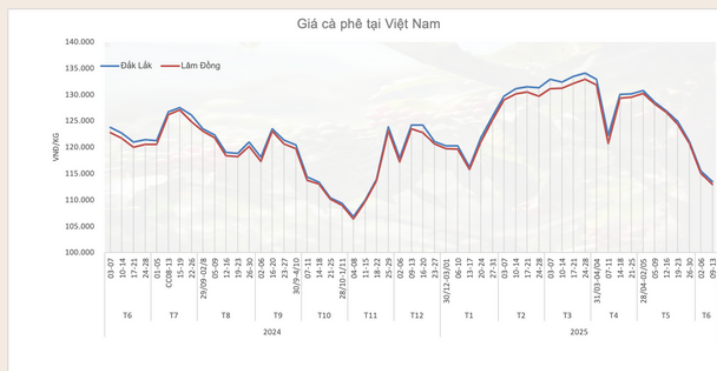




DIỂM TIN

- Giá cà phê trong nước tiếp tục giảm do ảnh hưởng của thị trường cà phê thế giới.
- Tháng 5 năm 2025, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 148.762 tấn, tương đương kim ngạch gần 860 triệu USD, tăng mạnh 60,5% về lượng và gần 2,2 lần về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2024.
- Cà phê là cây trồng chủ lực của tỉnh Sơn La, dự báo năm 2025, diện tích cà phê toàn tỉnh đạt khoảng 24.300 ha, tăng hơn 36% so với năm 2021.
- Ngành cà phê Đắk Nông tuân thủ quy định EUDR.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ GIẢM TRONG TUẦN

Trong tuần 09/06/2025 đến 13/06/2025, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 113.400 VNĐ/kg, giảm 1,8% so với tuần trước, và giảm 7,5% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 114.733 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 112.000 VNĐ/kg.[1] Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 112.900 VNĐ/kg, giảm 1,8% so với tuần trước, và giảm 7,2% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 114.200 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 111.500VNĐ/kg. [1]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THÁNG 5 NĂM 2025.

Theo Cục Hải quan, trong tháng 5 năm 2025, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 148.762 tấn, tương đương kim ngạch gần 860 triệu USD, tăng mạnh 60,5% về lượng và gần 2,2 lần về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái.[2]

Lũy kế 5 tháng đầu năm, xuất khẩu cà phê đạt 823.908 tấn với kim ngạch thu về cao kỷ lục 4,7 tỷ USD, giảm nhẹ 0,6% về lượng nhưng tăng tới 62,3% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2024. Với kim ngạch trung bình gần 1 tỷ USD mỗi tháng, xuất khẩu cà phê được kỳ vọng sớm vượt mốc 5,6 tỷ USD đạt được trong cả năm 2024. Động lực chính cho sự tăng trưởng đột phá này đến từ mức giá xuất khẩu bình quân 5 tháng đầu năm đạt 5.709 USD/tấn - cao nhất từ trước đến nay, tăng 63,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng trong tháng 5, giá xuất khẩu bình quân đạt 5.780 USD/tấn, giảm nhẹ 0,3% so với tháng trước nhưng tăng 35,3% so với cùng kỳ.[2]

Như vậy, kết thúc 8 tháng đầu niên vụ 2024-2025, Việt Nam đã xuất khẩu 1 triệu tấn cà phê, giảm 7,3% so với cùng kỳ niên vụ trước. Con

số này tương đương 62,5% tổng sản lượng ước tính vào khoảng 1,6 triệu tấn, giảm 5% so với niên vụ trước theo dự báo của Hiệp hội Cà phê – Cacao Việt Nam (Vicofa).[2]

Về thị trường, Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục là khách hàng lớn nhất của cà phê Việt Nam trong 5 tháng đầu năm, với khối lượng nhập khẩu đạt 367.033 tấn, kim ngạch hơn 2 tỷ USD, chiếm 44,5% về lượng và 44% tổng kim ngạch xuất khẩu. So với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu sang thị trường này tăng 10,2% về lượng và tăng mạnh 81,9% về kim ngạch.

Trong đó, Đức, Italy, Tây Ban Nha là ba thị trường dẫn đầu về nhập khẩu, với kim ngạch lần lượt đạt 765,1 triệu USD, 371,9 triệu USD và 348,1 triệu USD, tăng 79,3%, 31,9% và 29,9% so với cùng kỳ năm trước.[2]

Xuất khẩu cà phê sang thị trường Hoa Kỳ cũng tăng trưởng 6,3% về lượng và 72,4% về kim ngạch, đạt 54.310 tấn với kim ngạch gần 299 triệu USD. Đáng chú ý, trong khoảng 2 tháng trở lại đây, xuất khẩu cà phê sang Mỹ liên tục tăng mạnh. Nguyên nhân có thể là do các nhà nhập khẩu đẩy mạnh mua vào trước thời điểm áp dụng mức thuế quan mới.[2]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

SƠN LA

UBND tỉnh Sơn La vừa tổ chức buổi gặp mặt với các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ gia đình tiêu biểu trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê nhằm đánh giá kết quả phát triển ngành cà phê giai đoạn 2021–2025 và thảo luận định hướng bền vững trong tương lai. Cà phê được xác định là cây trồng công nghiệp chủ lực của tỉnh, mang lại giá trị kinh tế cao và thu nhập ổn định cho hàng chục nghìn hộ nông dân. Đến năm 2025, diện tích cà phê toàn tỉnh đạt khoảng 24.300 ha, tăng hơn 36% so với năm 2021; sản lượng dự kiến đạt 37.724 tấn, tăng trên 41%. Trong đó, 23.448 ha đạt các chứng nhận sản xuất bền vững (RA, 4C), 1.120 ha là cà phê đặc sản, 543 ha cà phê hữu cơ và 141 ha đạt chuẩn VietGAP. [3]

Sơn La cũng duy trì hai vùng ứng dụng công nghệ cao với hơn 1.039 ha, thu hút hơn 1.500 hộ tham gia. Hiện có 28 doanh nghiệp và HTX tham gia chế biến, nhiều đơn vị đã đầu tư công nghệ hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm. Cà phê Sơn La đã được xuất khẩu sang các thị trường khó tính như EU, Hoa Kỳ, Trung Đông và ASEAN. Tuy nhiên, ngành cà

phê vẫn đối mặt với nhiều khó khăn như liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp còn yếu, diện tích canh tác phân tán, tỷ lệ chế biến sâu còn thấp, chất lượng chưa đồng đều.[3]

Trước thực trạng đó, tỉnh đề ra mục tiêu đến năm 2030 đạt 25.000 ha cà phê, sản lượng 40.000 tấn, trong đó 9.800 ha được tái canh, 5.950 ha phát triển cà phê đặc sản và 18.000 ha đạt tiêu chuẩn bền vững. Tỷ lệ cà phê chế biến sâu đạt khoảng 20–25%, sản lượng xuất khẩu chiếm 80–85%, trong đó chế biến sâu chiếm 20–25%. Tỉnh sẽ tiếp tục tổ chức các hội nghị chuyên đề, phối hợp với các bộ ngành, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế để hỗ trợ giống, công nghệ, xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu cà phê Sơn La trên thị trường trong nước và quốc tế.[3]

GIA LAI

Cà phê Robusta của doanh nghiệp AN-ANDICO tại Gia Lai vừa đạt 87,5 điểm trong bảng xếp hạng của Viện Chất lượng Cà phê (CQI), đứng trong top 3 thế giới, minh chứng cho tiềm năng đặc biệt của Robusta Việt Nam trong phân khúc cà phê đặc sản toàn cầu. Cà phê được trồng ở độ cao 800 – 900m

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

tại xã Hải Yang (huyện Đak Đoa), sơ chế tự nhiên, không sử dụng phụ gia, giúp phát huy hương vị tự nhiên và chất lượng vượt trội. Đây là kết quả của sự kết hợp giữa điều kiện tự nhiên thuận lợi, phương pháp canh tác bền vững và quy trình chế biến nghiêm ngặt. CQI – tổ chức đánh giá chất lượng cà phê quốc tế – sử dụng hệ thống chấm điểm chuẩn hóa để công nhận những mẫu đạt từ 80 điểm trở lên là “Fine Robusta”, trong khi rất hiếm mẫu vượt qua mốc 87 điểm như của Gia Lai. Thành công của team HAYABEAN không chỉ góp phần nâng cao vị thế cà phê Việt Nam, mà còn mở ra cơ hội tiếp cận các thị trường khó tính như EU, Hoa Kỳ, Nhật. [4]

Theo các chuyên gia, để phát triển bền vững, các doanh nghiệp cần đầu tư đồng bộ từ vùng nguyên liệu đến kể câu chuyện thương hiệu, hướng đến mục tiêu giá trị cao và gắn kết cảm xúc với người tiêu dùng. [4]

Gia Lai, với 106.400 ha cà phê hiện có, đặt mục tiêu phát triển hơn 2.340 ha cà phê đặc sản vào năm 2030. Chiến lược này không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn góp phần bảo vệ môi trường, gìn

giữ văn hóa bản địa, và định vị thương hiệu cà phê Gia Lai trên thị trường quốc tế.[4]

ĐẮK NÔNG

Dự án sản xuất cà phê bền vững tại Đắk Nông, triển khai từ năm 2024 đến 2028, nhằm đáp ứng quy định chống phá rừng của EU (EUDR) và giảm phát thải, đã bước đầu ghi nhận nhiều kết quả tích cực. Với sự tài trợ của Công ty Intimex Đắk Nông và JDE Peet's, cùng sự tư vấn của TMT Consulting, dự án hướng đến 10.000 hộ dân tại các địa phương trọng điểm như Krông Nô và Đắk Glong. Các hoạt động chính bao gồm tái canh cà phê già cỗi, trồng xen cây che bóng, cải tạo đất, cung cấp giống phù hợp, hướng dẫn kỹ thuật canh tác bền vững, bảo hiểm nông nghiệp, quản lý rác thải và phân tích mẫu đất để bón phân hợp lý. Ngoài ra, dự án còn chú trọng xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo EUDR, cung cấp nhật ký sản xuất minh bạch và quản lý dữ liệu vườn thông qua GPS. Đặc biệt, dự án góp phần hình thành hệ sinh thái hợp tác xã, cung cấp dịch vụ nông nghiệp chuyên nghiệp giúp nâng cao năng lực tổ chức sản xuất. [5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/giảm
LÂM ĐỒNG	113.500	114.200	113.500	111.500	111.800	112.900	-2.120
Di Linh	113.500	114.200	113.500	111.500	111.800	112.900	-2.120
Lâm Hà	113.500	114.200	113.500	111.500	111.800	112.900	-2.120
Bảo Lộc	113.500	114.200	113.500	111.500	111.800	112.900	-2.120
ĐẮK LẮK	113.933	114.733	114.000	112.000	112.333	113.400	-2.093
Cư M'gar	114.000	114.800	114.000	112.000	112.400	113.440	-2.120
Ea H'leo	113.900	114.700	114.000	112.000	112.300	113.380	-2.080
Buôn Hồ	113.900	114.700	114.000	112.000	112.300	113.380	-2.080
ĐẮK NÔNG	113.950	114.450	114.300	112.250	112.450	113.480	-2.030
Gia Nghĩa	114.000	114.500	114.300	112.300	112.500	113.520	-2.040
Đắk R'lấp	113.900	114.400	114.300	112.200	112.400	113.440	-2.020
GIA LAI	113.733	114.433	114.000	112.000	112.233	113.280	-2.033
Chư Prông	113.800	114.500	114.000	112.000	112.300	113.320	-2.060
Pleiku	113.700	114.400	114.000	112.000	112.200	113.260	-2.020
La Grai	113.700	114.400	114.000	112.000	112.200	113.260	-2.020
KON TUM	113.800	114.500	114.000	112.000	112.300	113.320	-2.060
Đắk Hà	113.800	114.500	114.000	112.000	112.300	113.320	-2.060

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: giacaphe.com
- [3]: reuters.com
- [4]: USDA
- [5]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)
- [6]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên
- [2]: [Doanh nghiệp & Kinh doanh](#)
- [3]: nongnghiepmoitruong.vn
- [4]: baogialai.com.vn
- [5]: baodaknong.vn



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả